

Phụ lục 10: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Thực trạng phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng giai đoạn 2026 – 2030

1. Đánh giá thực trạng phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống giai đoạn 2020 - 2025

1.1. Đánh giá thực trạng ngành nghề nông thôn

Trong những năm gần đây, ngành nghề nông thôn Hà Tĩnh đã có bước phát triển đáng kể, góp phần quan trọng vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống người dân. Nhiều ngành nghề truyền thống như mộc Thái Yên, nón lá Ba Giang, rèn đúc Trung Lương, nước mắm Cẩm Nhượng, kẹo cu đơ... tiếp tục được duy trì và mở rộng sản xuất, đồng thời xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới như chế biến nông sản, cơ khí nhỏ, sản xuất vật liệu xây dựng,... Các ngành nghề này tạo việc làm thường xuyên cho hàng nghìn lao động nông thôn, tận dụng được lực lượng lao động nhàn rỗi, đặc biệt là phụ nữ và người lớn tuổi, qua đó góp phần giảm nghèo, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân ở nhiều địa phương.

Hiện trên địa bàn tỉnh có khoảng 22.600 cơ sở hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn với 7 nhóm ngành nghề chính (phân theo nhóm ngành của Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn) trong đó: nhóm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản chiếm 32%; nhóm sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ chiếm 1,15%; nhóm xử lý, chế biến nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành nghề nông thôn chiếm 1,1%; nhóm sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, sợi, thêu ren, đan lát, cơ khí nhỏ chiếm 16,2%; nhóm sản xuất và kinh doanh sinh vật cảnh chiếm 0,64%; nhóm sản xuất muối chiếm 1,6%; nhóm các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn chiếm 47,4%. Tổng doanh thu tại các cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 4.100 tỷ đồng. Tổng số lao động tham gia sản xuất kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn gần 38.500 lao động, trong đó số lao động thường xuyên chiếm khoảng 75%, lao động thời vụ chiếm khoảng 25%. Đội ngũ lao động tham gia trong các làng nghề chủ yếu là lao động phổ thông. Hình thức đào tạo nghề chủ yếu là cầm tay chỉ việc cho thợ, truyền nghề trong gia đình, làng xã. Thu nhập bình quân của lao động đạt 6-7 triệu đồng/người/tháng. Ở nhiều địa phương đã hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác đầu tư liên kết với các hộ gia đình, làng nghề trong cung ứng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm làm tăng nhanh sản lượng, chất lượng và hiệu quả sản xuất, góp phần tăng thu nhập cho người lao động và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Sự phát triển của ngành nghề nông thôn góp phần đáng kể vào quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Nhiều cơ sở sản xuất đã mạnh dạn đầu tư máy móc hiện đại, ứng dụng tiến bộ khoa học – kỹ thuật vào sản xuất, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế. Sản phẩm

nông thôn Hà Tĩnh ngày càng phong phú về chủng loại, cải thiện mẫu mã, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường và từng bước tham gia vào chương trình OCOP, tạo cơ hội mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh.

Về mặt bằng sản xuất: Một số ngành nghề, cơ sở cần có diện tích mặt bằng lớn như sản xuất đồ gỗ, chế biến thủy sản, cây trồng sinh vật cảnh,... đã vào các khu, cụm sản xuất tập trung, còn lại các nhóm ngành nghề không yêu cầu mặt bằng sản xuất rộng thì tận dụng nhà ở làm nơi sản xuất. Tuy nhiên, để có mặt bằng sản xuất rộng rãi, nhà xưởng khang trang tạo điều kiện thuận lợi mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư, đổi mới về máy móc, trang thiết bị cần tiếp tục vận động các cơ sở sản xuất chuyển ra vùng quy hoạch tập trung.

Về khoa học công nghệ: Thực trạng áp dụng khoa học công nghệ trong phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay vẫn còn hạn chế, các cơ sở chủ yếu sản xuất theo phương pháp thủ công như sản xuất nón lá, đan lát, chiếu cói,... và kết hợp giữa thủ công và máy móc. Một số nghề đã áp dụng một số công đoạn cơ giới hóa, sử dụng công cụ cơ giới cầm tay như sản xuất đồ gỗ, làm bún bánh, chôi đốt, chế biến nước mắm... Việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất ở các nghề khá chênh lệch nhau phụ thuộc vào đặc điểm của từng nghề, áp dụng kỹ thuật mới vào các công đoạn sản xuất chưa đồng bộ nên chưa tạo được chuyển biến trong quy trình sản xuất.

Về hoạt động xúc tiến thương mại: Hiện nay, khâu tiếp thị và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm ngành nghề nông thôn ở Hà Tĩnh còn hạn chế do đó gặp rất nhiều khó khăn trong tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, các hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh chủ yếu là:

+ Hàng năm tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu để tuyên dương, khích lệ các sản phẩm ngày càng hoàn thiện hơn.

+ Đã và đang xây dựng hệ thống, điểm bán hàng các sản phẩm OCOP và nông nghiệp trong đó có sản phẩm ngành nghề nông thôn tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

+ Tổ chức triển khai thực hiện chương trình xúc tiến thương mại cung cấp các thông tin về thị trường, quảng bá sản phẩm ngành nghề, nhất là các sản phẩm đặc trưng của Hà Tĩnh bằng cách tổ chức hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm, lễ hội Cam và sản phẩm nông nghiệp... Ngoài ra, một số nghề và làng nghề trên địa bàn tỉnh đã tích cực tham gia các chương trình, hội chợ, festival làng nghề quốc tế do Trung ương và các tỉnh, thành phố tổ chức. Thông qua việc trưng bày, giới thiệu sản phẩm và giao lưu, kết nối với các đối tác trong và ngoài nước, các cơ sở sản xuất không chỉ mở rộng thị trường tiêu thụ mà còn quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm nghề, làng nghề Hà Tĩnh đến bạn bè quốc tế cũng như đông đảo người tiêu dùng trên cả nước.

Nhìn chung, ngành nghề nông thôn Hà Tĩnh đã có sự chuyển biến tích cực và đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Tuy vậy, để phát triển bền vững hơn trong thời gian tới, cần tăng cường liên kết sản xuất – tiêu thụ, đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, hỗ trợ đổi mới công nghệ, mở rộng thị

trường và chú trọng bảo vệ môi trường. Đây là những giải pháp thiết yếu nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế và đưa ngành nghề nông thôn Hà Tĩnh phát triển ổn định, bền vững.

1.2. Đánh giá thực trạng công tác bảo tồn và phát triển nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống

Hà Tĩnh là tỉnh có nhiều ngành nghề thủ công truyền thống như: Nghề mộc, rèn đúc, đan lát, nón lá, làm trống, chế biến nước mắm... Năm 2020, tỉnh đã công nhận 10 nghề truyền thống, 2 làng nghề và 5 làng nghề truyền thống, mang lại doanh thu khoảng 1.138 tỷ đồng, tạo việc làm cho gần 4.200 lao động tại địa phương. Đến năm 2025, đã có 12 nghề truyền thống, 6 làng nghề, 7 làng nghề truyền thống được UBND tỉnh công nhận. Đây là những nghề không chỉ đơn thuần là tạo ra những vật dụng phục vụ đời sống mà còn chứa đựng các giá trị văn hóa, thẩm mỹ, phong tục tập quán và tâm linh của người dân địa phương. Cùng với sự phát triển của xã hội, một số nghề truyền thống tại tỉnh Hà Tĩnh đã bị mai một dần do không còn thiết thực nhưng vẫn có nhiều nghề truyền thống lâu đời, có tiềm năng phục hồi, phát triển với những sản phẩm đặc biệt được nhiều người biết đến như mộc, rèn đúc, chế biến nước mắm...

Doanh thu từ các nghề truyền thống, làng nghề và làng nghề truyền thống đã được công nhận trong năm đạt khoảng 1.410 tỷ đồng, đóng góp quan trọng vào giá trị sản xuất khu vực nông thôn. Thu nhập bình quân của lao động đạt khoảng 6,5 triệu đồng/người/tháng, góp phần cải thiện đời sống người dân, giảm áp lực di cư lao động và tạo việc làm tại chỗ. Tổng số lao động đang làm việc trong các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận gần 6.000 người, trong đó lao động thường xuyên chiếm khoảng 85% và lao động không thường xuyên chiếm 15%. Lực lượng lao động tương đối ổn định, nhiều cơ sở duy trì được đội ngũ thợ lành nghề, có kinh nghiệm, góp phần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển sản xuất hàng hóa. Bên cạnh hiệu quả kinh tế, các làng nghề còn có vai trò quan trọng trong việc gìn giữ bản sắc địa phương, phát triển du lịch trải nghiệm và thúc đẩy liên kết sản xuất – tiêu thụ sản phẩm theo hướng bền vững.

Việc phát triển nghề truyền thống ở Hà Tĩnh trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, hiệu quả của việc khai thác, phát huy các giá trị của sản phẩm truyền thống và công nhận mới các nghề, làng nghề còn nhiều tồn tại, hạn chế. Có một số nghề đang hoạt động theo kiểu tự phát, chưa được đầu tư nhiều để phát triển thành các sản phẩm có thương hiệu.

Chương trình OCOP hiện nay đã trở thành phong trào sản xuất ở nông thôn với nhiều dịch vụ, sản phẩm có mẫu mã, chất lượng và giá trị thương mại cao, hình thành nhóm sản phẩm đặc sản vùng miền. Tuy nhiên, số lượng dịch vụ và sản phẩm OCOP của các làng nghề, làng nghề truyền thống còn khá khiêm tốn, mặc dù tiềm năng của khu vực này là rất lớn. Hiện nay đã có một số sản phẩm của các nghề, làng nghề cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên như nước mắm, hoa cây cảnh, chế tác trầm hương,...Việc thúc đẩy các

làng nghề, làng nghề truyền thống tham gia Chương trình OCOP sẽ là điều kiện để bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, giữ gìn được bản sắc văn hóa dân tộc ở nông thôn.

Về công tác công nhận nghề nhân, thợ giỏi ở địa phương: Đến nay, Hà Tĩnh có 03 nghề nhân được Hiệp hội làng nghề Việt Nam tặng giấy chứng nhận nghề nhân làng nghề vào năm 2011, đó là ông Nguyễn Đăng Thế và ông Nguyễn Công Thống - danh hiệu Nghề nhân làng nghề Việt Nam và ông Phan Đăng Yên - danh hiệu sản phẩm thủ công mỹ nghệ tinh hoa làng nghề 2010 với sản phẩm là bình hoa gỗ nghệ thuật.

Về môi trường làng nghề: Hầu hết các cơ sở sản xuất với quy mô hộ gia đình, nhà xưởng gắn với nhà ở và nằm trong khu dân cư nên việc thu gom và xử lý chất thải rất khó khăn. Đa số các làng nghề chưa đầu tư nhiều giải pháp để giảm thiểu ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước thải, bụi, chất thải rắn, nước thải sản xuất được thải chung với nước thải sinh hoạt của làng, xã. Trong những năm qua các cấp, các ngành, các tổ chức đã có các giải pháp để khắc phục ô nhiễm ở các làng nghề như: Xử lý nước thải quy mô hộ gia đình, xây dựng một số dự án xử lý nước thải quy mô làng nghề, tiết kiệm nguyên vật liệu xăng dầu, tra dầu cho máy móc để giảm tiếng ồn, đổi mới công nghệ thiết bị, lắp đặt lò gas theo chương trình tiết kiệm năng lượng, đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề,... Tuy nhiên, việc đầu tư cho làng nghề khắc phục ô nhiễm trong những năm qua còn hạn chế, thiếu đồng bộ nhất là các làng nghề mộc, làm bún, bánh.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Quy mô sản xuất tại các nghề, làng nghề, các cơ sở ngành nghề nông thôn còn nhỏ, chủ yếu quy mô hộ gia đình, sản xuất thủ công thuần túy, khả năng khai thác các tiềm năng, lợi thế, hỗ trợ liên kết các cơ sở còn hạn chế.

- Nhiều hoạt động ngành nghề nông thôn thiếu nguyên liệu đầu vào, hầu hết các cơ sở chế biến chưa có hợp đồng chặt chẽ gắn với vùng nguyên liệu; sản phẩm tại các nghề, làng nghề còn thô sơ, chưa đa dạng, chưa đồng nhất, chưa xây dựng được thương hiệu sản phẩm nên chưa đáp ứng được các đơn hàng lớn.

- Vấn đề mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm tại các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống, các cơ sở ngành nghề nông thôn còn nhiều hạn chế, chưa ổn định; một số loại sản phẩm chế biến không đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng chưa đồng đều, khả năng cạnh tranh còn thấp.

- Một số địa phương chưa quan tâm đến việc xây dựng hồ sơ đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống.

- Trình độ quản lý, tay nghề, cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật còn hạn chế; lao động chủ yếu lớn tuổi, làm thủ công nên khả năng tiếp cận cơ giới hóa, marketing và thương mại điện tử còn thấp, gây khó khăn trong nâng cao năng suất và mở rộng thị trường.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1 Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, quy mô thị trường nhỏ, sức mua hạn chế; khả năng thu hút đầu tư vào lĩnh vực ngành nghề nông thôn chưa cao, dẫn đến các cơ sở sản xuất chủ yếu phát triển nhỏ lẻ, manh mún.

+ Nguồn nguyên liệu đầu vào chưa ổn định, vùng nguyên liệu phân tán, việc hình thành các vùng nguyên liệu tập trung gắn với chế biến chưa đồng bộ thường chịu ảnh hưởng lớn của điều kiện thời tiết, thiên tai, biến đổi khí hậu. Đặc biệt, tỉnh Hà Tĩnh còn thường xuyên chịu ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt, vào mùa hè thời tiết nắng nóng gay gắt, ảnh hưởng đến sự phát triển đời sống người dân.

+ Sự cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp và hàng hóa từ các địa phương khác, trong khi sản phẩm ngành nghề nông thôn của tỉnh chủ yếu ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp, chưa có lợi thế rõ rệt về thương hiệu và quy mô.

+ Yêu cầu của thị trường ngày càng cao về chất lượng, mẫu mã, truy xuất nguồn gốc, vệ sinh an toàn thực phẩm; trong khi nhiều cơ sở, đặc biệt là hộ cá thể, gặp khó khăn trong việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Quy mô sản xuất nhỏ, thiếu liên kết: Phần lớn các cơ sở ngành nghề nông thôn sản xuất mang tính tự phát, chưa chủ động xây dựng phương án sản xuất – kinh doanh dài hạn; liên kết giữa các cơ sở, giữa sản xuất – chế biến – tiêu thụ còn lỏng lẻo, chưa hình thành được chuỗi giá trị bền vững.

+ Công tác tổ chức sản xuất và xây dựng thương hiệu còn hạn chế: Nhiều cơ sở chưa chú trọng đầu tư cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm; chưa quan tâm đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tem truy xuất nguồn gốc, dẫn đến sản phẩm thiếu tính nhận diện, khó tiếp cận các đơn hàng lớn và thị trường ngoài tỉnh.

+ Hạn chế trong mở rộng thị trường và xúc tiến thương mại: Việc nghiên cứu thị trường, quảng bá, kết nối tiêu thụ sản phẩm còn yếu; khả năng tham gia thương mại điện tử, hội chợ, triển lãm còn hạn chế, làm thu hẹp đầu ra cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

+ Trình độ quản lý và chất lượng nguồn nhân lực chưa cao: Chủ cơ sở phần lớn xuất thân từ hộ sản xuất truyền thống, độ tuổi trung bình khá cao, nên thiếu kiến thức quản trị, marketing, pháp lý; lao động chủ yếu được đào tạo thông qua truyền nghề, ít được đào tạo bài bản, dẫn đến năng suất lao động và chất lượng sản phẩm chưa đồng đều.

+ Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu: Nhiều cơ sở chưa mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ, còn sử dụng lao động thủ công; mặt bằng sản xuất, kho bãi, hệ thống xử lý môi trường, điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm còn thiếu và chưa đồng bộ.

3.2 Bài học kinh nghiệm

- Có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt của các cấp chính quyền: Việc bảo tồn và phát triển ngành nghề nông thôn chỉ đạt hiệu quả khi có sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp; lồng ghép mục tiêu phát triển ngành nghề nông thôn vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển ngành nghề nông thôn phải gắn với thị trường và nhu cầu tiêu thụ: Sản xuất cần xuất phát từ nhu cầu thị trường, chú trọng nghiên cứu thị hiếu, tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm; tránh tình trạng phát triển tự phát, manh mún, thiếu đầu ra bền vững.

- Tăng cường liên kết chuỗi giá trị từ nguyên liệu đến tiêu thụ sản phẩm: Cần chú trọng hình thành các mối liên kết chặt chẽ giữa vùng nguyên liệu – cơ sở chế biến – tiêu thụ sản phẩm; phát huy vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp trong việc dẫn dắt, hỗ trợ các hộ sản xuất nhỏ tham gia chuỗi giá trị.

- Bảo tồn nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống phải đi đôi với đổi mới, sáng tạo: Việc giữ gìn giá trị truyền thống cần song hành với cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ, đa dạng hóa mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm để phù hợp với yêu cầu thị trường hiện đại.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao năng lực quản lý: Đào tạo nghề, truyền nghề cho lao động nông thôn, nhất là thế hệ trẻ, cần được quan tâm thường xuyên; đồng thời nâng cao kiến thức quản lý, kinh doanh, marketing cho chủ cơ sở sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, coi đây là yếu tố then chốt nhằm nâng cao giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử và chuyển đổi số trong tiêu thụ sản phẩm; gắn phát triển ngành nghề nông thôn với du lịch trải nghiệm, du lịch làng nghề nhằm mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế.

4. Mục tiêu phát triển ngành nghề nông thôn, nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống giai đoạn 2026 - 2030

4.1 Mục tiêu chung

Phát triển ngành nghề nông thôn nhằm phát huy tiềm năng của khu vực nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân; góp phần bảo vệ môi trường, tôn tạo, giữ gìn cảnh quan, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển kinh tế nông thôn gắn với mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh.

4.2 Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng của nhóm ngành nghề nông thôn đạt khoảng 6%-7%/năm.

- Duy trì và phát triển các làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận, công nhận mới từ 2-4 các nghề, làng nghề có tiềm năng phát triển và đáp ứng tiêu chí công nhận theo quy định; phấn đấu đến năm 2030 giá trị sản

xuất của các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đạt trên 1.800 tỷ đồng.

4.3 Định hướng phát triển

- Các cơ sở ngành nghề nông thôn, các nghề, làng nghề tiếp tục đẩy mạnh phát triển sản xuất theo hướng quy mô gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, máy móc, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm và đảm bảo vệ sinh môi trường. Đa dạng hoá các sản phẩm chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, thủ công mỹ nghệ, mây tre đan, đồ gỗ... trong đó tập trung vào các sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống, sản phẩm OCOP; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại để bảo tồn, phát huy các sản phẩm đặc trưng, truyền thống, mang bản sắc vùng, miền của địa phương, xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn như VietGap, HACCP nhằm nâng cao chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần tăng sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng đến thị trường xuất khẩu.

- Tập trung bảo tồn, khôi phục các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đang có nguy cơ mai một, thất truyền; rà soát, thu hồi bằng công nhận đối với nghề, làng nghề không đáp ứng điều kiện theo quy định; phong tặng, tôn vinh và phát triển đội ngũ nghệ nhân, thợ giỏi, người lao động trong các làng nghề, làng nghề truyền thống. Ưu tiên thành lập các hội, hiệp hội nghề ở các địa phương, các trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề; hỗ trợ thiết kế mẫu mã, hoàn thiện sản phẩm, thông tin thị trường phục vụ bảo tồn và phát triển nghề, làng nghề.

- Phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề theo hướng bền vững trên cơ sở phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tính độc đáo làng nghề, các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp và môi trường sinh thái đặc trưng khu vực nông thôn nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Ưu tiên đầu tư xây dựng, phát triển cảnh quan nông thôn gắn với các điểm du lịch, khu du lịch sinh thái, phát huy lợi thế từng địa phương, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thân thiện và hài hòa với thiên nhiên.

5. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

5.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, cá nhân và xã hội về vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển ngành nghề nông thôn. Đẩy mạnh truyền thông, khuyến khích liên kết, thu hút các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư cho các hoạt động phát triển ngành nghề nông thôn.

5.2. Tổ chức lại sản xuất ngành nghề nông thôn

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, áp dụng công nghệ để phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất. Tiếp tục đổi mới và nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả, phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản

xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt, hợp tác xã là trung gian giữa doanh nghiệp và người dân.

- Ứng dụng cơ giới hoá, công nghệ thông tin, máy móc, thiết bị vào sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Đặc biệt ưu tiên đối với các công nghệ mới, tiên tiến, công nghệ thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng nhóm ngành nghề nông thôn.

- Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ngành nghề nông thôn, làng nghề. Gắn sản phẩm ngành nghề nông thôn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm; xây dựng các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp trong sản xuất kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Hoàn thiện các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo quy hoạch để tiếp nhận các cơ sở hoạt động ngành nghề nông thôn.

5.3. Xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung

- Hỗ trợ đầu tư phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, ổn định để cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở ngành nghề, làng nghề; tập trung vào các ngành nghề mũi nhọn cần ưu tiên như: Trồng hoa, đồ gỗ dân dụng, đồ thủ công mỹ nghệ... chú trọng phát triển các ngành nghề truyền thống như: Rèn thủ công, cơ khí nhỏ, đan lát... khuyến khích mở rộng các ngành nghề mới tại địa phương như: sinh vật cảnh, mây tre đan...

- Khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn, có chứng chỉ bền vững, phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng trong vùng nguyên liệu phục vụ sản xuất, khai thác, sơ chế, chế biến; nghiên cứu, lựa chọn, công nhận chuyển giao các loại giống mới, năng suất cao, đảm bảo chất lượng.

5.4. Phát triển nguồn nhân lực

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý, chuyển đổi số cho doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao tay nghề; bổ sung các kiến thức về khoa học công nghệ, quy trình sản xuất, công nghệ thông tin, thiết kế, đổi mới mẫu mã sản phẩm cho người lao động. Ưu tiên đào tạo lao động tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất, vùng nguyên liệu tập trung, cụm công nghiệp.

- Xây dựng mô hình liên kết đào tạo giữa các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Đào tạo nâng cao nghề, chuyển đổi một bộ phận lao động nông nghiệp sang các hoạt động ngành nghề nông thôn.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ giỏi tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng dạy học, thiết kế mẫu mã sản phẩm và xu hướng thị trường.

5.5. Phát triển thị trường và hội nhập quốc tế

- Hướng dẫn các cơ sở làng nghề tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, hỗ trợ tham gia các Hội chợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ. Xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu sản phẩm tại các chợ, cửa hàng, trung tâm thương mại, các tuyến du lịch, điểm du lịch để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm ngành nghề. Thông qua các sự kiện lớn của tỉnh: Lễ hội Cam và sản phẩm nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh,... lồng ghép, tổ chức trưng bày, quảng bá, xúc tiến thương mại, trao đổi kinh nghiệm về phát triển các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nhằm phát triển tốt về công nghệ, thị trường; tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành nghề.

- Tổ chức và tham gia hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm trong nước và quốc tế; đăng ký thương hiệu, mẫu mã, bao bì, chất lượng sản phẩm,... Thành lập các hội làng nghề, tăng cường quản lý thị trường.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất đưa các sản phẩm lên hệ thống phân phối, trung tâm thương mại, siêu thị, điểm du lịch, kênh thương mại điện tử.

- Hỗ trợ chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến, nhất là công nghệ về thiết kế mẫu mã, chế biến, bảo quản, công nghệ giống, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm.

5.6. Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch làng nghề

- Tập trung di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm đang hoạt động trong khu dân cư tại các làng nghề truyền thống mộc Thái Yên (xã Đức Thịnh), mộc Tràng Đình (xã Gia Hanh), rèn đúc Trung Lương (phường Bắc Hồng Lĩnh) vào các cụm công nghiệp, khu sản xuất tập trung. Đồng thời, giao UBND các xã, phường tăng cường công tác quản lý bảo vệ môi trường, nước sạch và kiểm soát an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất thuộc làng nghề làm bún Đại Lự (xã Hồng Lộc), làm bún thôn Phương Giai (xã Kỳ Xuân), bánh đa bánh mướt chợ Cầu (phường Sông Trí), chế biến nước mắm Cẩm Nhượng (xã Thiên Cầm), chế biến nước mắm Tam Hải (phường Hải Ninh), chế biến nước mắm Xuân Phú (xã Kỳ Xuân), mộc Phở Trường (xã Đan Hải). Giữ gìn cảnh quan nông thôn gắn với làng sinh thái, bảo đảm môi trường nghề, làng nghề xanh, sạch đẹp.

- Lựa chọn và hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển du lịch nông thôn theo các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du

lich gắn với bảo tồn thiên nhiên, du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm... mang tính đặc trưng vùng, miền.

- Phát triển năng lượng tái tạo và nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong hoạt động du lịch (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, khí sinh học, tận dụng các phế phụ phẩm) để hỗ trợ trong việc sản xuất, kinh doanh.

- Tổ chức các hoạt động lễ hội truyền thống, hội thi nhằm quảng bá, giới thiệu những nét đặc sắc văn hoá của sản phẩm làng nghề; tôn vinh các nghệ nhân, thợ giỏi làm cơ sở xem xét công nhận nghệ nhân.

- Rà soát, hướng dẫn các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; có công trình bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5.7. Hoàn thiện cơ chế chính sách

Tiếp tục phối hợp thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến hỗ trợ, đầu tư hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn do Trung ương, tỉnh ban hành như: chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp nông thôn; đào tạo nghề cho lao động nông thôn; khoa học công nghệ, tin dụng...

6. Khái toán nguồn kinh phí đầu tư giai đoạn 2026-2030

6.1. Khái toán một số nội dung trọng tâm thực hiện giai đoạn 2026-2030

- Bảo tồn khôi phục các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống đã được công nhận. Công nhận mới các nghề, làng nghề đáp ứng các điều kiện theo quy định. Phát triển các nghề, làng nghề du lịch, gắn với giá trị văn hóa truyền thống, tính độc đáo làng nghề, các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp và môi trường sinh thái với kinh phí dự kiến 5.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ tham gia chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ triển lãm, hội chợ làng nghề, giới thiệu sản phẩm trong nước và quốc tế với kinh phí dự kiến 2.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi số vào sản xuất và xử lý ô nhiễm môi trường tại làng nghề, với kinh phí dự kiến là 4.000 triệu đồng.

- Hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu tập trung cho các làng nghề, phát triển nguồn nhân lực làng nghề với kinh phí dự kiến là 5.000 triệu đồng.

6.2. Nguồn kinh phí

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến nông và các Chương trình mục tiêu của Trung ương hỗ trợ.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách tỉnh: Bố trí kinh phí trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

- Nguồn kinh phí đầu tư của ngân sách xã: Bố trí kinh phí trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kinh phí sự nghiệp để thực hiện Chương trình.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: Vận động, huy động vốn từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các hội làng nghề và kinh phí hợp pháp khác; đưa việc vận động các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế tham gia phải thực hiện Chương trình vào chương trình vận động, đàm phán tài trợ của Chính phủ.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn hằng năm và trung hạn thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

- Phối hợp với các Sở ngành và địa phương trong việc hướng dẫn, bố trí quỹ đất cho phát triển vùng nguyên liệu, mặt bằng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của lĩnh vực ngành nghề nông thôn trong quá trình lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Hướng dẫn việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện sản xuất, kinh doanh cho lĩnh vực ngành nghề nông thôn.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với làng nghề; Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

7.2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh phương án kinh phí thực hiện phù hợp với nhiệm vụ chi, điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách.

7.3. Sở Khoa học và Công nghệ

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, chuyên gia và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn thủ tục đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm ngành nghề nông thôn theo quy định; phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

7.4. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các chính sách, giải pháp thúc đẩy thị trường, xúc tiến thương mại cho sản phẩm ngành nghề nông thôn.

- Tham mưu các nội dung liên quan đề đề xuất phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân trên địa bàn tỉnh trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ.

7.5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Chỉ đạo phát triển du lịch gắn với làng nghề; khuyến khích phát triển dịch vụ và sản phẩm du lịch làng nghề.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn, chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên các giá trị đặc sắc của ngành nghề nông thôn, văn hóa, không gian, lễ hội của làng nghề, làng nghề truyền thống.

7.6. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Xây dựng và triển khai các chương trình, dự án, đề án trọng điểm thực hiện phù hợp với tiềm năng, lợi thế của từng địa phương; triển khai xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung, phục vụ cho phát triển ngành nghề nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề theo quy định.

- Phổ biến, tuyên truyền chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn để các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các chương trình, đề án, dự án hoặc các hoạt động có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn tiếp cận các nguồn lực, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo quy định.

- Tăng cường vai trò, trách nhiệm về bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn địa phương theo quy định; nâng cao chất lượng phương án bảo vệ môi trường làng nghề có hiệu quả, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với làng nghề theo quy định./.

**CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL**

Trần Mạnh Cường